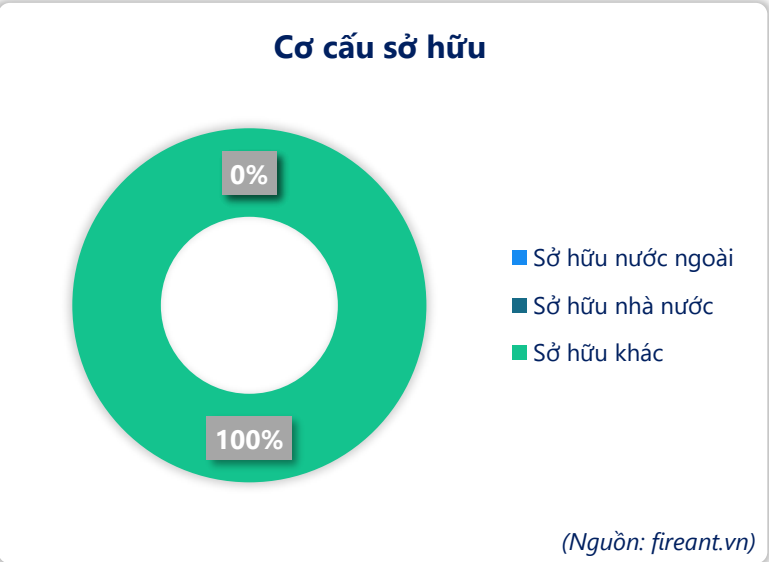
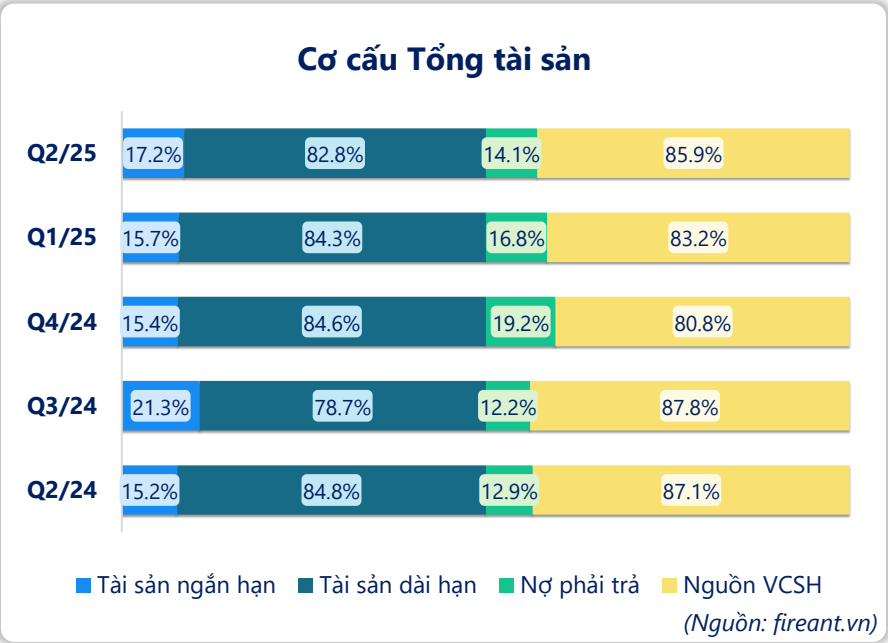
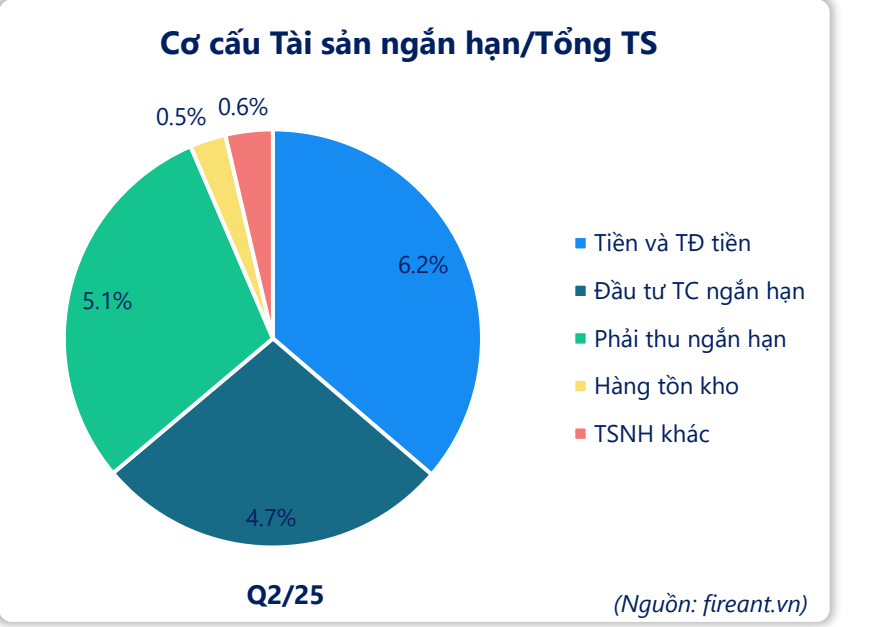
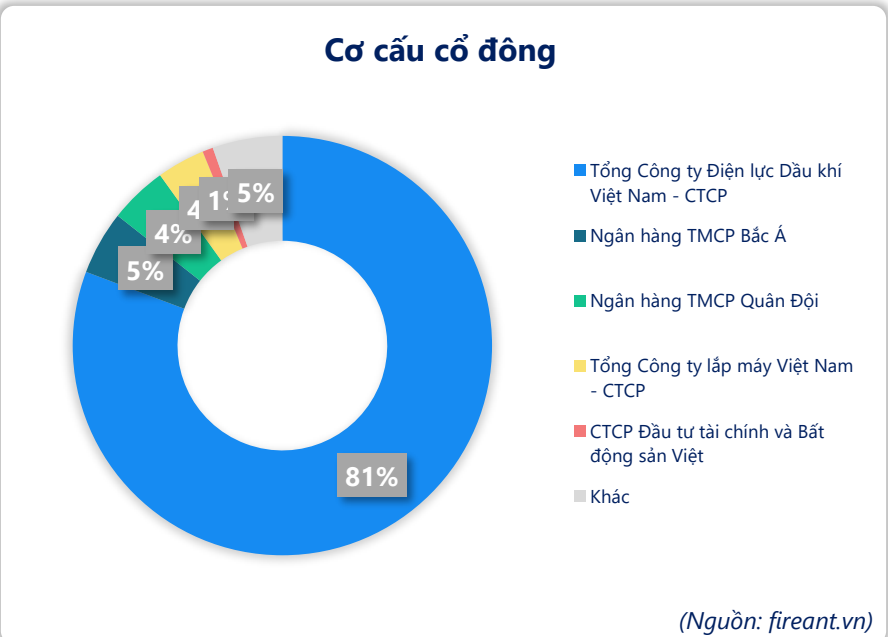
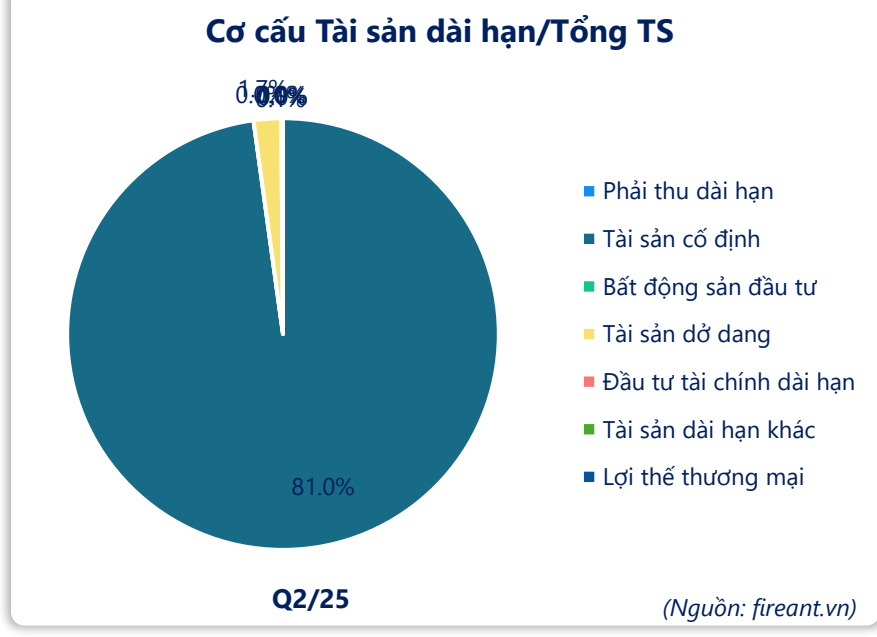
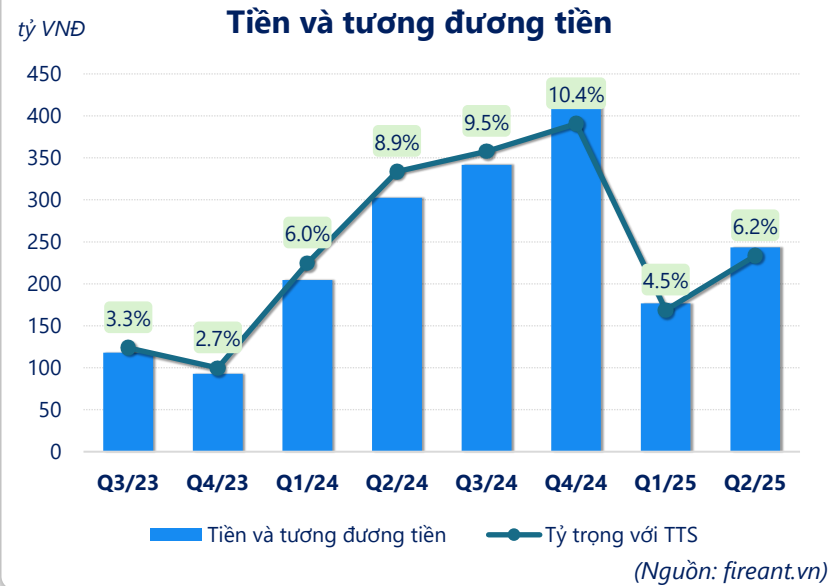
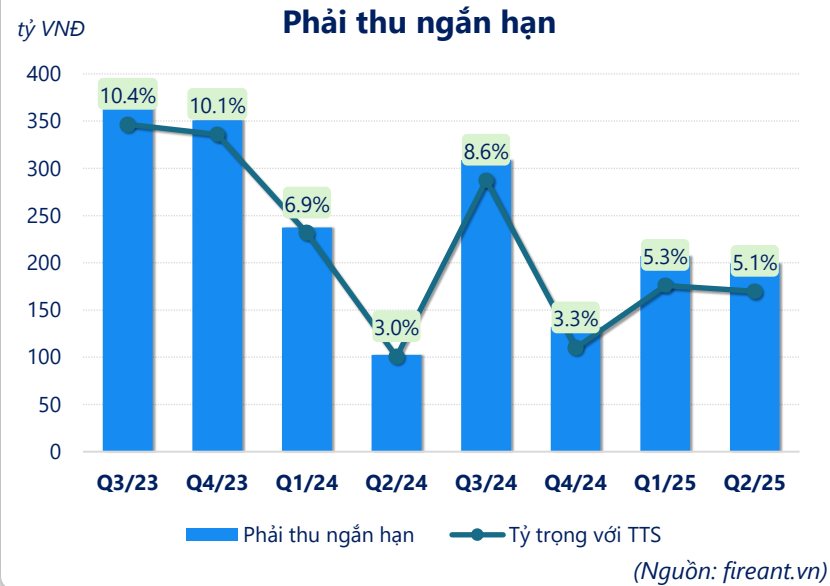
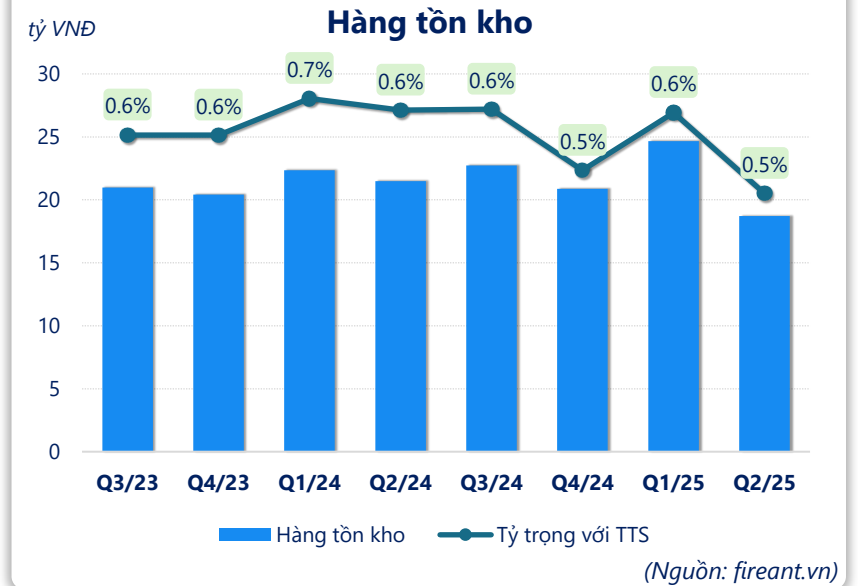
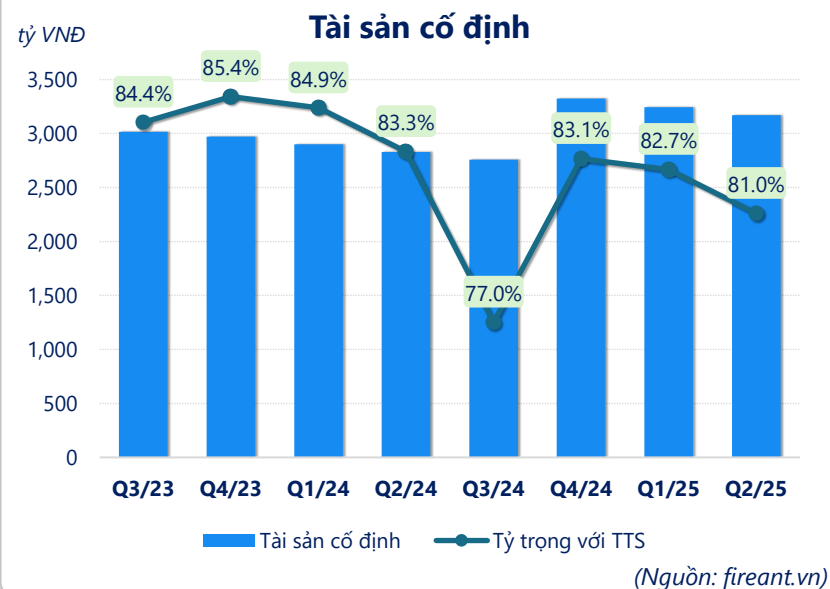
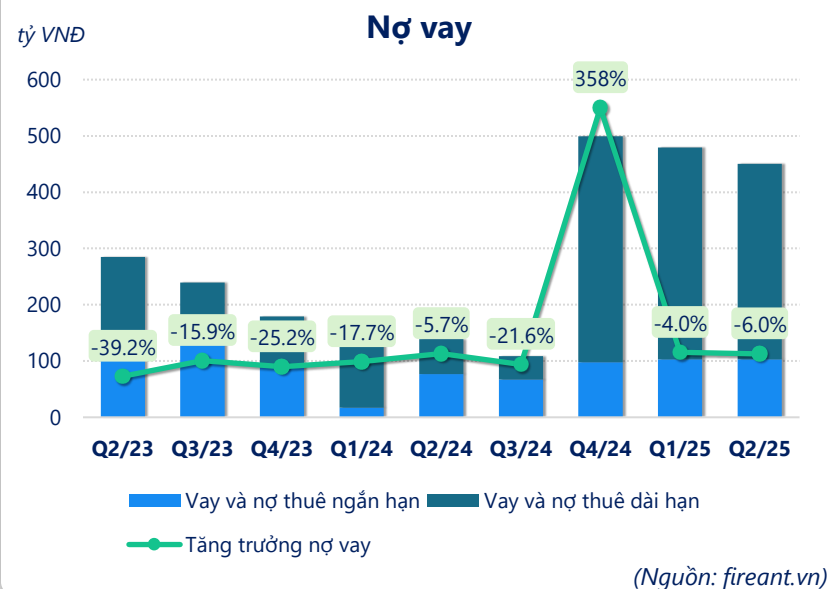
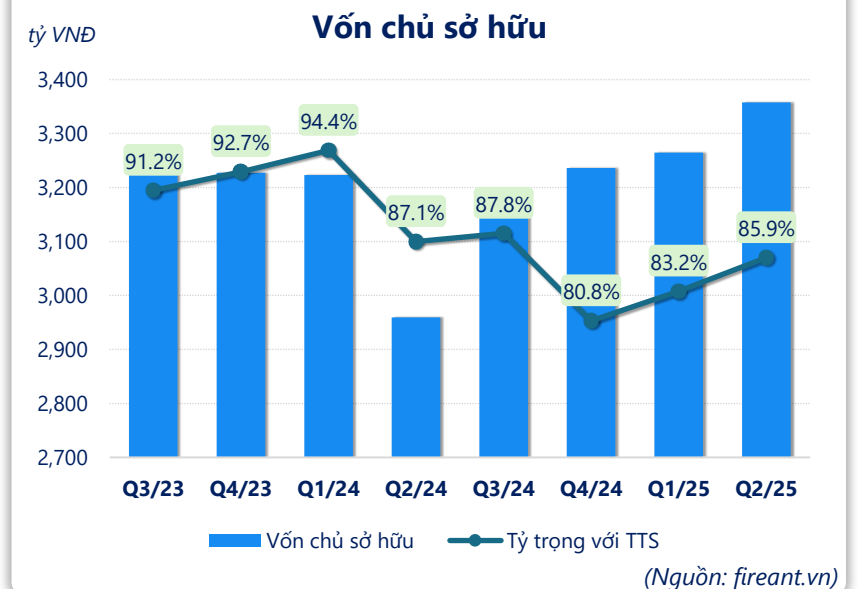
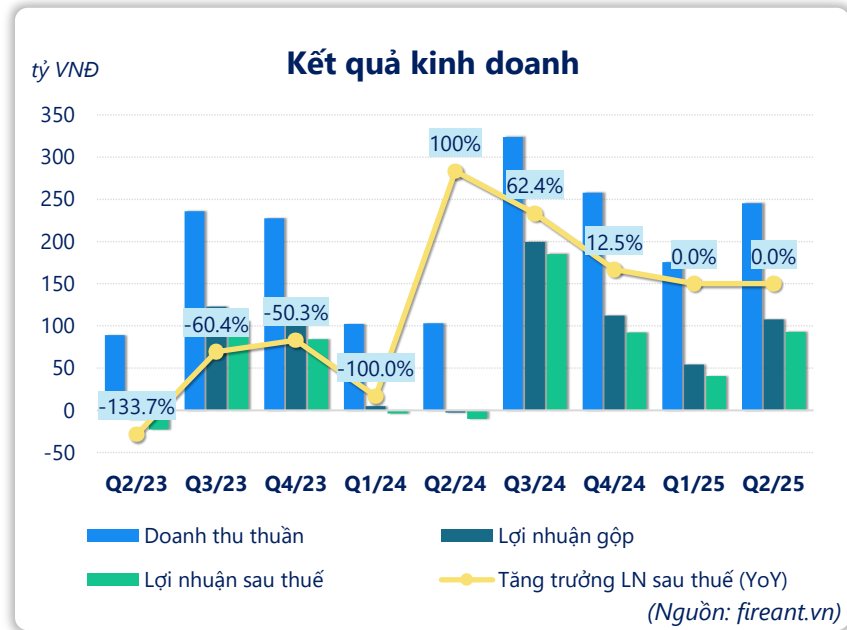
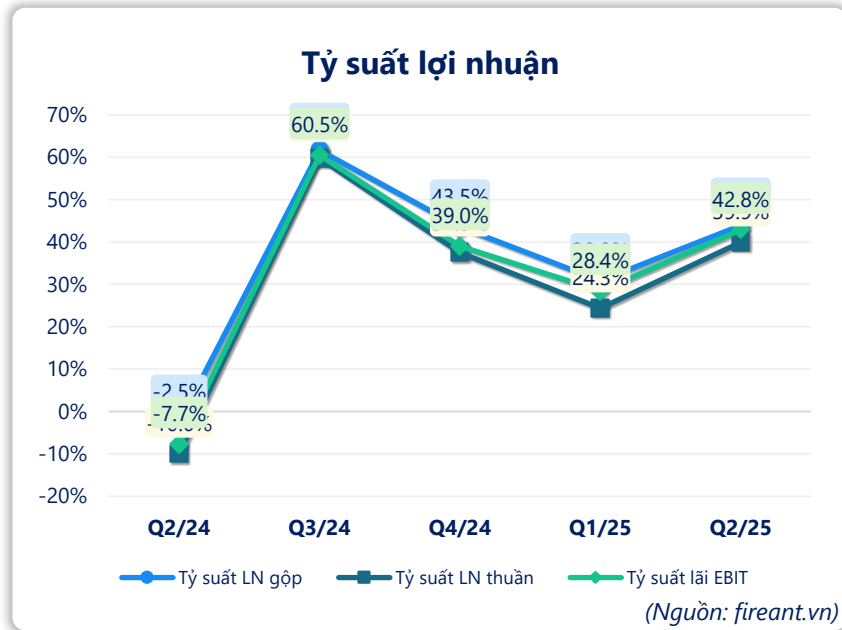
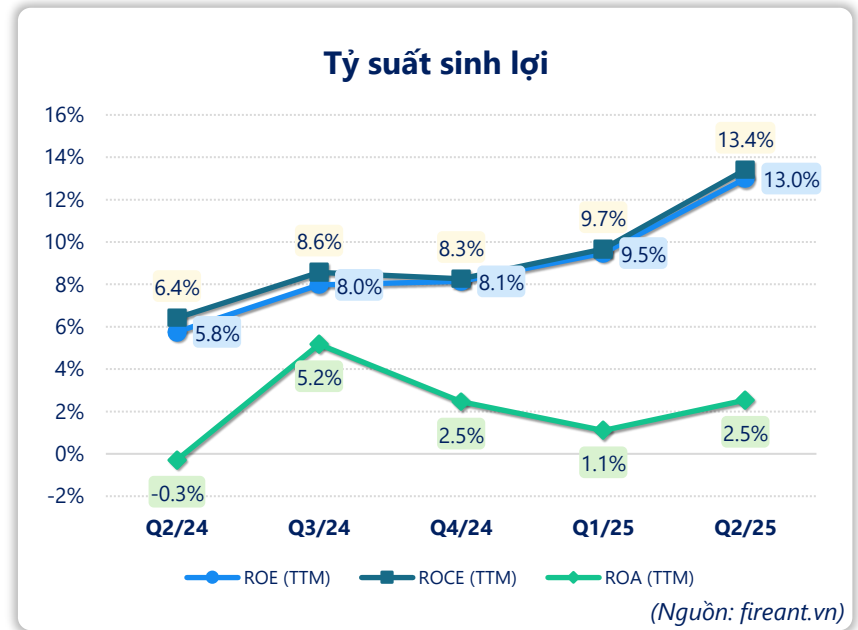
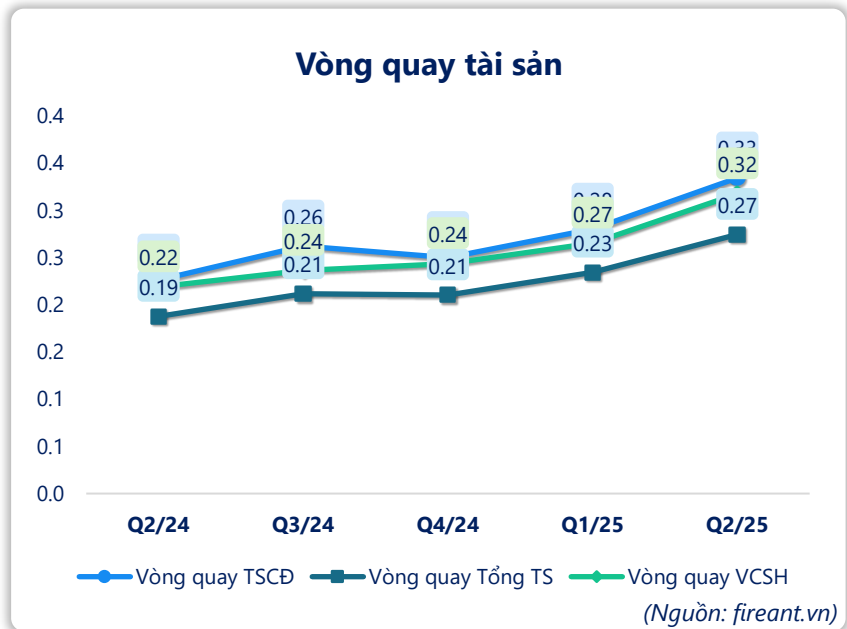
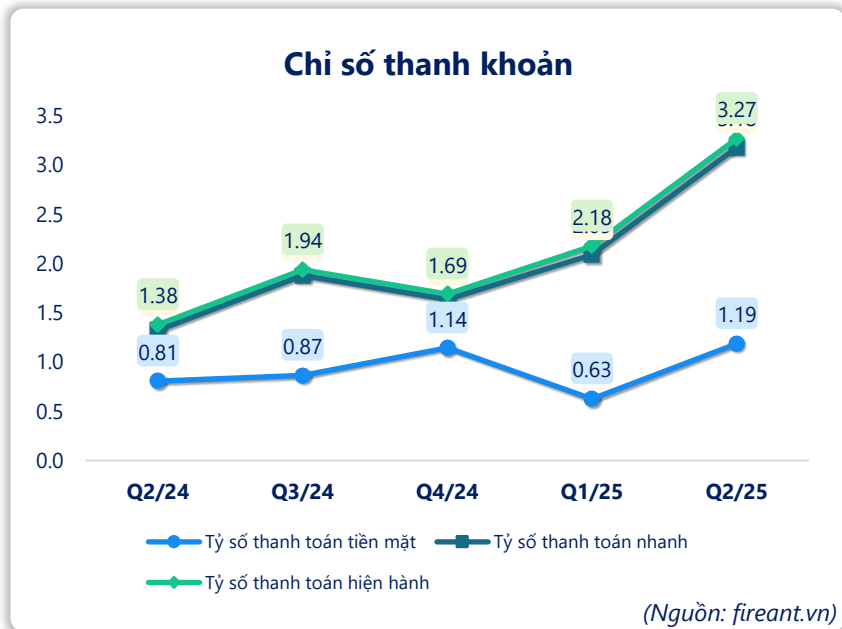
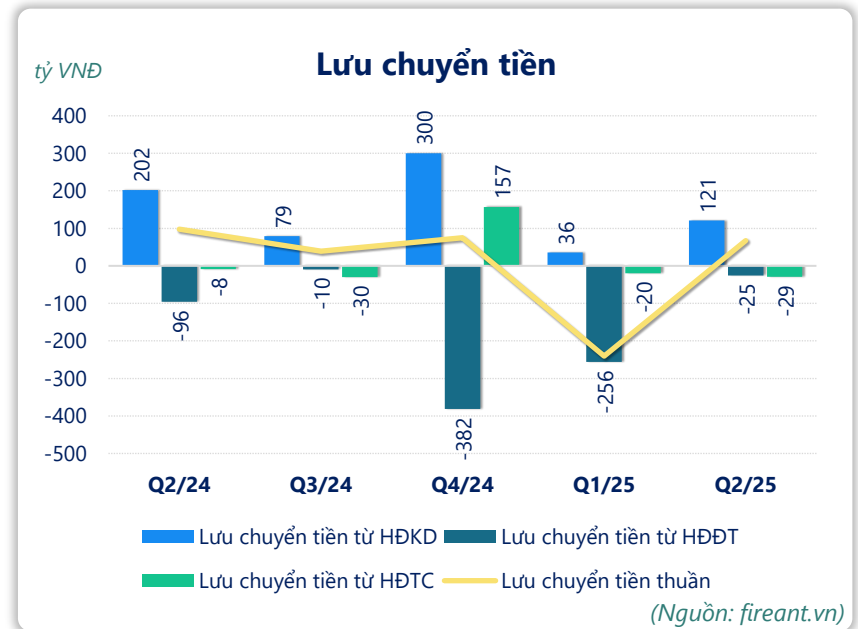


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		24,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		26,123
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		20,832
SL cổ phiếu LH		235,232,210
KLGD BQ 20 phiên (CP)		950
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		5,646
P/E		13.8
EPS		1,745

	YTD	1T	3T	6T
HNA	0.0%	0.0%	2.5%	-0.8%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,911	4,010	-2.5%
Tài sản ngắn hạn	671	624	7.5%
Tiền và tương đương tiền	243	417	-41.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	185	0	
Phải thu ngắn hạn	199	132	51.0%
Hàng tồn kho	18.7	20.9	-10.3%
Tài sản ngắn hạn khác	24.5	54.4	-54.9%
Tài sản dài hạn	3,240	3,386	-4.3%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	3,169	3,325	-4.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	66.8	56.6	18.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	3.99	4.70	-15.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	553	767	-27.9%
Nợ ngắn hạn	205	365	-43.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	103	97.9	5.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	22.6	198	-88.6%
Nợ dài hạn	348	402	-13.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	347	401	-13.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	3,358	3,243	3.5%
Vốn chủ sở hữu	3,358	3,243	3.5%
Vốn điều lệ	2,352	2,352	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	103	324	258	176	245
Giá vốn hàng bán	106	124	146	121	138
Lợi nhuận gộp	-2.62	199	112	54.2	108
Doanh thu HĐTC	2.35	3.61	3.80	3.39	5.67
Chi phí TC	2.11	1.78	3.31	7.22	7.24
Chi phí lãi vay	2.09	1.69	3.33	7.21	7.23
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	7.90	7.75	16.0	7.63	8.38
LN thuần từ HĐKD	-10.3	194	96.7	42.7	98.0
Lợi nhuận khác	0.20	0.46	0.56	0	-0.01
LN trước thuế	-10.1	194	97.3	42.7	97.9
Lợi nhuận sau thuế	-10.1	185	92.1	40.5	93.0
LNST của CĐ cty mẹ	-10.1	185	92.1	40.5	93.0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	202	79.0	300	35.8	121
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-95.6	-9.71	-382	-256	-25.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-8.44	-30.0	157	-20.1	-29.0
Tiền đầu kỳ	205	302	342	417	176
Lưu chuyển tiền thuần	97.7	39.3	75.2	-240	66.9
Ảnh hưởng tỷ giá	0.04	-0.06	0.08	0.06	-0.02
Tiền cuối kỳ	302	342	417	176	243

(Nguồn: fireant.vn)